ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 69/2020/TB-LPQT ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia"

(Tiếp theo Công báo số 183 + 184)

BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

NGHỊ ĐỊNH THƯ
PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Tập 4: Phụ lục 2 đính kèm Nghị định thư
(Bảng đăng ký mốc giới, từ mốc số 79/1 đến mốc số 180 thuộc tỉnh Tây Ninh)

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 166/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 16 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 166/5 cắm trong ruộng.	1225176,31 621775,15	11 04 52,020 106 06 53,820	5,27 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			4,07
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 166/4 đến cột mốc số 166/5 là 39°13'49,280", khoảng cách là 327,00m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 166/5 đến cột mốc số 167 là 47°07'48,696", khoảng cách là 300,00m.	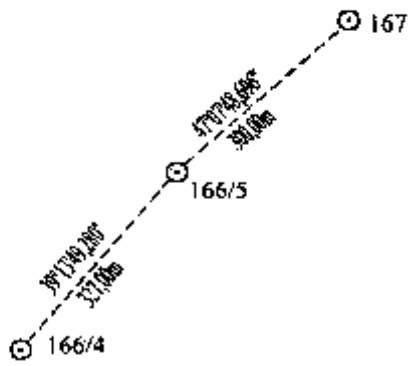		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 167

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 01 tháng 6 năm 2009	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 167 cắm trong ruộng.	1225380,41 621995,02	11 04 58,637 106 07 01,091	6,58 (2,67)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,91
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 166/5 đến cột mốc số 167 là 47°07'48,696", khoảng cách là 300,00m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 167 đến cột mốc số 167/1 là 57°24'51,515", khoảng cách là 290,53m.	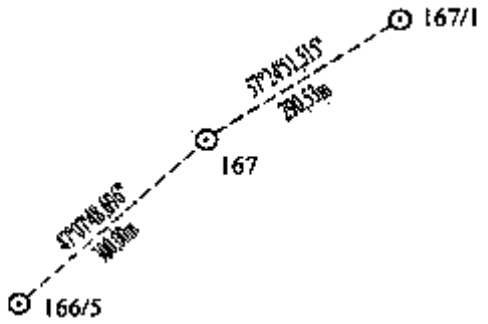		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 167/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 167/1 cắm trong ruộng.	1225536,88 622239,82	11 05 03,701 106 07 09,178	5.02 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,82
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 167 đến cột mốc số 167/1 là 57°24'51,515", khoảng cách là 290.53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 167/1 đến cột mốc số 167/2 là 38°18'20.032", khoảng cách là 219.76m.	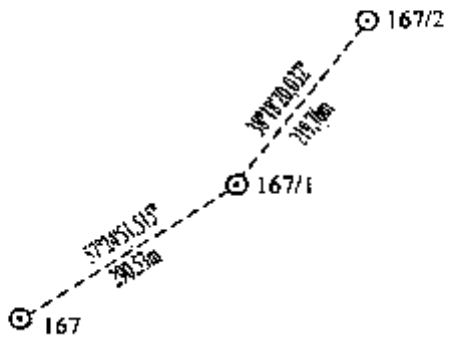		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 167/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 167/2 cắm trong ruộng.	1225709,33 622376,04	11 05 09,298 106 07 13,689	4,64 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,44
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 167/1 đến cột mốc số 167/2 là 38°18'20,032", khoảng cách là 219,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 167/2 đến cột mốc số 167/3 là 34°46'29,179", khoảng cách là 286,28m.	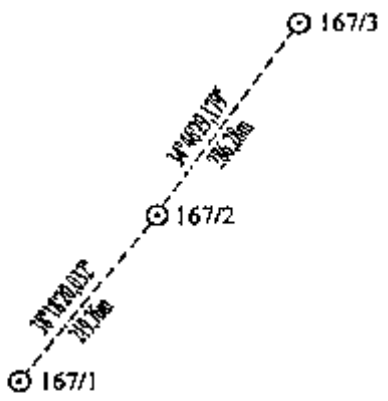		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 167/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 167/3 cắm trong ruộng.	1225944,48 622539,32	11 05 16,932 106 07 19,099	4,76 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,56
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 167/2 đến cột mốc số 167/3 là 34°46'29,179", khoảng cách là 286,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 167/3 đến cột mốc số 168 là 58°18'53,721", khoảng cách là 261,29m.	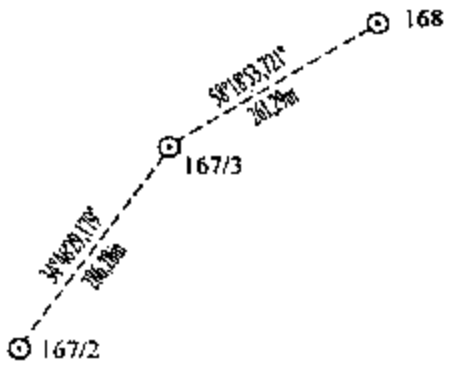		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 168

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 03 tháng 4 năm 2009

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 168 cắm trong ruộng.	1226081,72 622761,66	11 05 21,372 106 07 26,444	5,63 (2,35)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,28

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 167/3 đến cột mốc số 168 là 58°18'53,721", khoảng cách là 261,29m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 168 đến cột mốc số 168/1 là 64°46'19,535", khoảng cách là 425,84m.	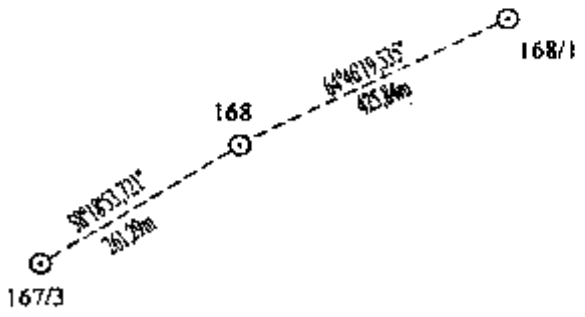

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 168/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 10 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 168/1 cắm trên bờ ruộng.	1226263,22 623146,88	11 05 27,233 106 07 39,163	4,48 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,28
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 168 đến cột mốc số 168/1 là 64°46'19,535", khoảng cách là 425,84m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 168/1 đến cột mốc số 168/2 là 67°25'59,377", khoảng cách là 608.43m.	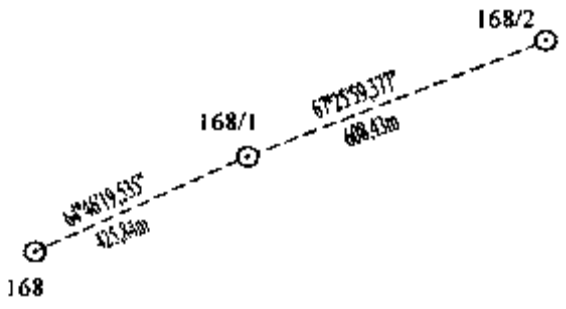		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 168/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 168/2 cắm trong ruộng.	1226496,71 623708,72	11 05 34,764 106 07 57,709	4,69 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,49

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 168/1 đến cột mốc số 168/2 là 67°25'59,377", khoảng cách là 608,43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 168/2 đến cột mốc số 169 là 58°06'14,792", khoảng cách là 905,24m.	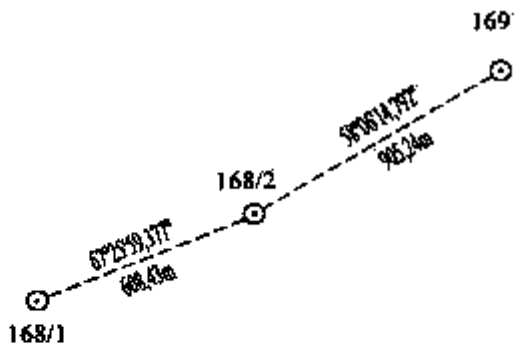

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 169

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 01 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 169 cắm phía Tây đường nhựa.	1226975,02 624477,28	11 05 50,239 106 08 23,099	6,99 (2,98) Độ cao mặt đất (m) 4,01

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 168/2 đến cột mốc số 169 là 58°06'14,792", khoảng cách là 905,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 169 đến cột mốc số 170 là 70°43'18,376", khoảng cách là 1656,61m.	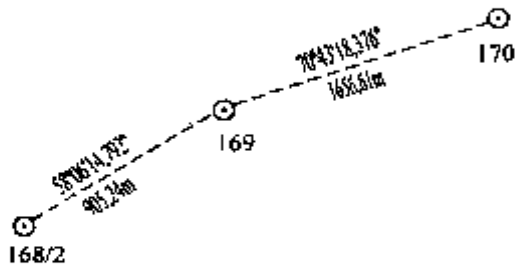

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 170

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 02 tháng 6 năm 2009

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 170 cắm trong ruộng.	1227521,96 626041,00	11 06 07,846 106 09 14,706	5,04 (2,79)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,25

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 169 đến cột mốc số 170 là 70°43'18,376", khoảng cách là 1656,61m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170 đến cột mốc số 170/1 là 143°36'07,464", khoảng cách là 625,93m.	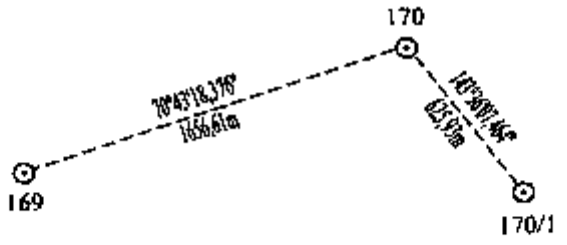

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 170/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 170/1 cắm trong ruộng.	1227018,14 626412.42	11 05 51,399 106 09 26,883	4,05 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,85

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170 đến cột mốc số 170/1 là 143°36'07.464", khoảng cách là 625.93m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170/1 đến cột mốc số 170/2 là 143°35'26.145", khoảng cách là 631,82m.	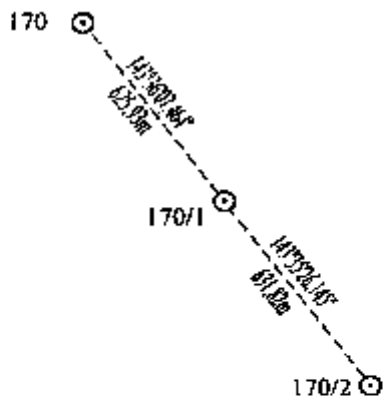

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 170/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 170/2 cắm trong ruộng.	1226509,65 626787,44	11 05 34,799 106 09 39,177	3,98 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,78

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170/1 đến cột mốc số 170/2 là 143°35'26,145", khoảng cách là 631,82m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170/2 đến cột mốc số 170/3 là 143°35'57,667", khoảng cách là 415,64m.	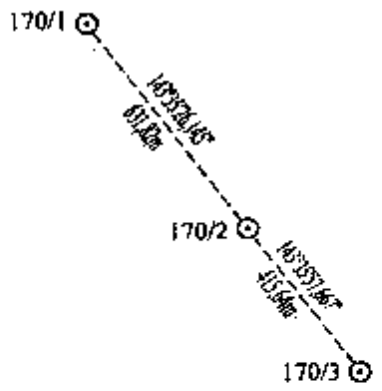

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 170/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 170/3 cắm trong ruộng.	1226175,11 627034,09	11 05 23,879 106 09 47,263	3,97 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,77
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170/2 đến cột mốc số 170/3 là 143°35'57,667", khoảng cách là 415,64m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170/3 đến cột mốc số 170/4 là 143°37'35,294", khoảng cách là 419,48m.	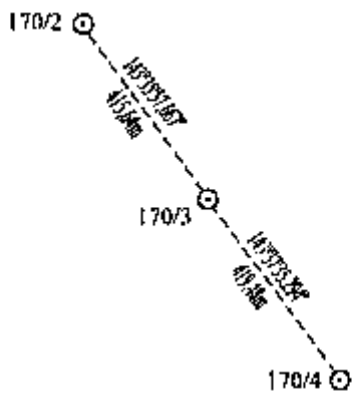		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 170/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 170/4 cắm trên bờ ruộng.	1225837,36 627282,86	11 05 12,852 106 09 55,418	4,25 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,05

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170/3 đến cột mốc số 170/4 là 143°37'35,294", khoảng cách là 419,48m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170/4 đến cột mốc số 170/5 là 143°40'14,067", khoảng cách là 422,99m.	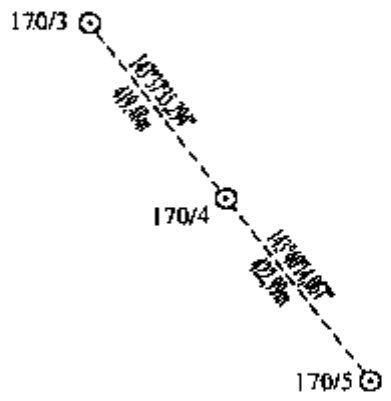

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 170/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 170/5 cắm trong ruộng.	1225496,59 627533,45	11 05 01,728 106 10 03,633	4,30 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,10
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170/4 đến cột mốc số 170/5 là 143°40'14,067", khoảng cách là 422,99m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170/5 đến cột mốc số 170/6 là 143°40'19.917", khoảng cách là 626.77m.	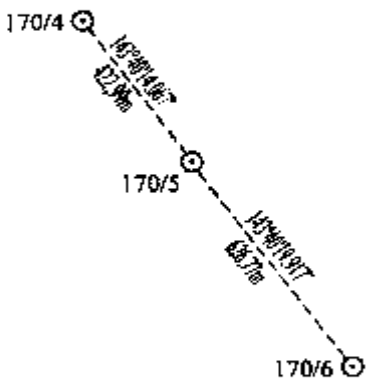		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 170/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 170/6 cắm trên bãi đất trống.	1224991,64 627904,75	11 04 45,244 106 10 15,804	4,29 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,09
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170/5 đến cột mốc số 170/6 là 143°40'19,917", khoảng cách là 626,77m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170/6 đến cột mốc số 171 là 143°40'33,131", khoảng cách là 418,04m.	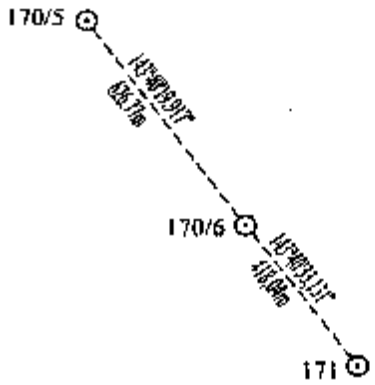		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 171

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn. Loại A	Đá hoa cương	Ngày 27 tháng 9 năm 2006

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 171 cắm tại cặp cửa khẩu quốc tế Mộc Bài (Việt Nam - Ba Vet (Campuchia). là điểm giao giữa quốc lộ số 22A (Việt Nam) và quốc lộ số 1 (Campuchia) với đường biên giới.	1224654.83 628152.38	11 04 34,248 106 10 23,921	6,77 (2,63)
			Độ cao mặt đất (m)
			4,14

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 170/6 đến cột mốc số 171 là 143°40'33,131". khoảng cách là 418,04m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 171 đến cột mốc số 171/1 là 150°39'16,030". khoảng cách là 570,20m.	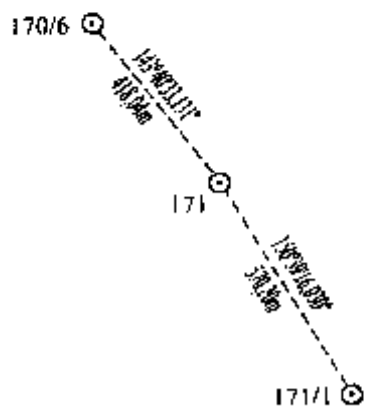

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 171/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 11 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 171/1 cắm trên bãi đất trống.	1224157,80 628431,82	11 04 18,034 106 10 33,066	4,19 (1,55)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,64
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 171 đến cột mốc số 171/1 là 150°39'16,030", khoảng cách là 570,20m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 171/1 đến cột mốc số 171/2 là 150°39'31,194", khoảng cách là 665,33m.	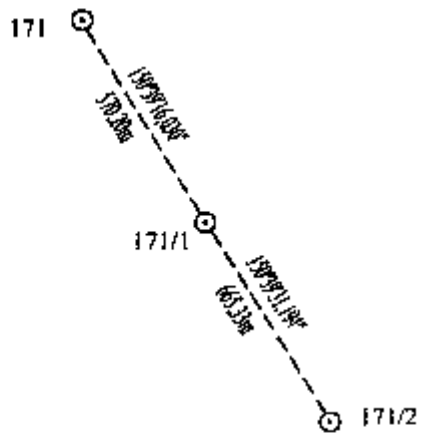		

1287

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 171/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 171/2 cắm trong rừng.	1223577,82 628757,84	11 03 59.113 106 10 43.734	3.56 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2.36
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 171/1 đến cột mốc số 171/2 là 150°39'31.194", khoảng cách là 665,33m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 171/2 đến cột mốc số 171/3 là 150°42'41.135", khoảng cách là 616,28m.	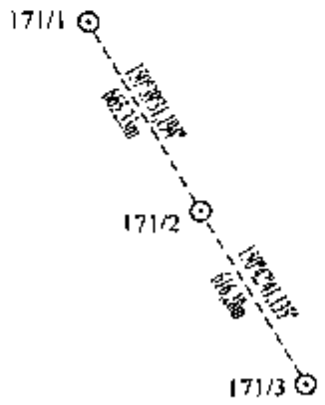		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 171/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 171/3 cắm trên bãi đất trống.	1223040,32 629059,33	11 03 41,577 106 10 53,600	3,49 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,29
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 171/2 đến cột mốc số 171/3 là 150°42'41,135", khoảng cách là 616,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 171/3 đến cột mốc số 171/4 là 150°40'18,686", khoảng cách là 407,91m.	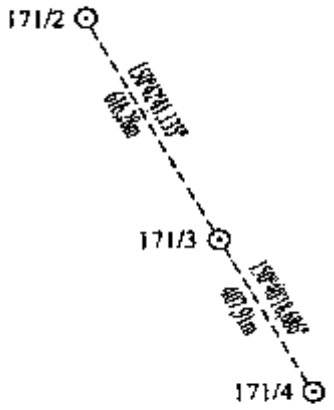		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 171/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 171/4 cắm trên bãi đất trống.	1222684.69 629259.13	11 03 29,975 106 11 00.138	3,56 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,36
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 171/3 đến cột mốc số 171/4 là 150°40'18.686", khoảng cách là 407.91m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 171/4 đến cột mốc số 171/5 là 150°40'15.285", khoảng cách là 611.89m.	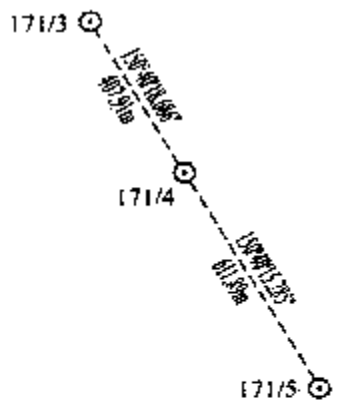		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 171/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 03 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 171/5 cắm trong rừng.	1222151,23 629558,85	11 03 12,572 106 11 09,944	3,87 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,67

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 171/4 đến cột mốc số 171/5 là 150°40'15,285", khoảng cách là 611,89m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 171/5 đến cột mốc số 172 là 150°40'20,370", khoảng cách là 407,80m.	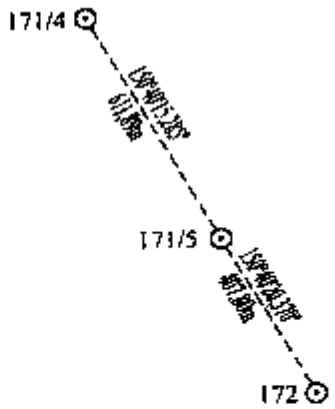

1291

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 172

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 11 năm 2008	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 172 cắm trên bãi đất trống.	1221795,70 629758,59	11 03 00,972 106 11 16,480	5,33 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,83
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 171/5 đến cột mốc số 172 là 150°40'20,370", khoảng cách là 407,80m Góc phương vị tọa độ cột mốc số 172 đến cột mốc số 172/1 là 172°16'04,521", khoảng cách là 410,21m.	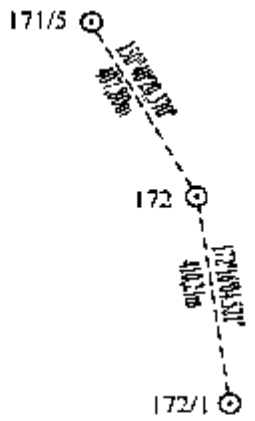		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 172/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 03 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 172/1 cắm trên bãi đất trống.	1221389,22 629813,78	11 02 47,734 106 11 18,245	3,43 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,23
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 172 đến cột mốc số 172/1 là 172°16'04,521", khoảng cách là 410,21m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 172/1 đến cột mốc số 172/2 là 172°16'38,779", khoảng cách là 614,77m.	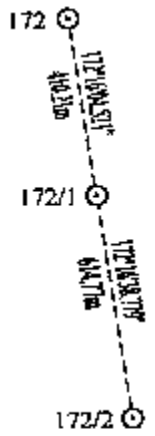		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 172/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 03 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 172/2 cắm trên bãi đất trống.	1220780,03 629896,39	11 02 27,894 106 11 20,888	3,13 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,93
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 172/1 đến cột mốc số 172/2 là 172°16'38,779", khoảng cách là 614,77m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 172/2 đến cột mốc số 172/3 là 172°15'29,012", khoảng cách là 409,99m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 172/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 172/3 cắm trên bãi đất trống.	1220373,78 629951,62	11 02 14,663 106 11 22,654	3,16 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,96
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 172/2 đến cột mốc số 172/3 là 172°15'29,012", khoảng cách là 409,99m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 172/3 đến cột mốc số 172/4 là 172°16'15,016", khoảng cách là 409,25m.	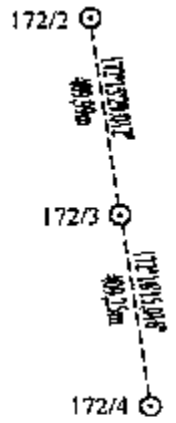		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 172/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 03 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 172/4 cắm trong ruộng.	1219968,25 630006,66	11 02 01,455 106 11 24,414	2,84 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,64
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 172/3 đến cột mốc số 172/4 là 172°16'15.016", khoảng cách là 409,25m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 172/4 đến cột mốc số 172/5 là 172°17'39.048", khoảng cách là 410,03m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 172/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 172/5 cắm trong ruộng.	1219561,92 630061,64	11 01 48,221 106 11 26,173	3,11 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,91
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 172/4 đến cột mốc số 172/5 là 172°17'39.048", khoảng cách là 410,03m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 172/5 đến cột mốc số 173 là 172°16'15.590", khoảng cách là 410.30m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 173

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 23 tháng 7 năm 2009	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 173 cắm trong ruộng.	1219155,35 630116,82	11 01 34,980 106 11 27.937	4,69 (2,68)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,01
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 172/5 đến cột mốc số 173 là 172°16'15,590", khoảng cách là 410,30m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 173 đến cột mốc số 173/1 là 172°17'36,534", khoảng cách là 436,92m.	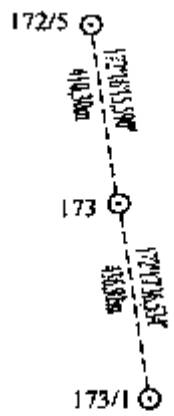		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 173/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 16 tháng 9 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 173/1 cắm trên bờ ruộng.	1218722,38 630175,41	11 01 20,879 106 11 29,811	3,38 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,18

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 173 đến cột mốc số 173/1 là 172°17'36,534", khoảng cách là 436,92m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 173/1 đến cột mốc số 173/2 là 172°17'23,828", khoảng cách là 381,56m.	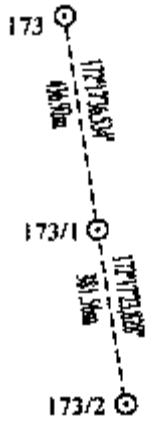

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 173/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 173/2 cắm trong ruộng.	1218344.27 630226,60	11 01 08,564 106 11 31,449	3,32 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2.12
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 173/1 đến cột mốc số 173/2 là 172°17'23,828", khoảng cách là 381.56m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 173/2 đến cột mốc số 173/3 là 172°17'53,894", khoảng cách là 399,66m.	173/1 381,56m 173/2 399,66m 173/3		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 173/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 173/3 cắm trên bờ ruộng.	1217948,22 630280,16	11 00 55,665 106 11 33,161	3,60 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,40
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 173/2 đến cột mốc số 173/3 là 172°17'53,894", khoảng cách là 399,66m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 173/3 đến cột mốc số 174 là 172°18'22,399", khoảng cách là 371,23m.	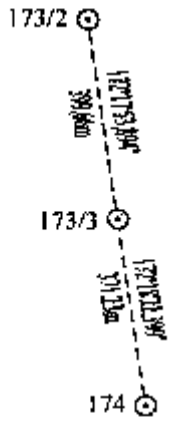		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 174

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 23 tháng 7 năm 2009	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 174 cắm trên bãi đất trống.	1217580,33 630329,86	11 00 43,683 106 11 34,750	5,45 (2,70)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,75
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 173/3 đến cột mốc số 174 là 172°18'22,399", khoảng cách là 371,23m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 174 đến cột mốc số 174/1 là 168°35'55,686", khoảng cách là 611,90m.	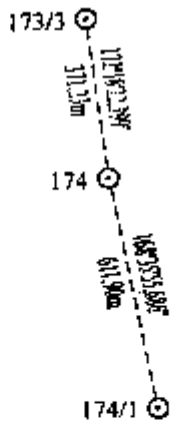		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 174/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 12 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 174/1 cắm trên bờ ruộng.	1216980,50 630450,82	11 00 24,142 106 11 38,657	3,98 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,78
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 174 đến cột mốc số 174/1 là 168°35'55.686", khoảng cách là 611,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 174/1 đến cột mốc số 174/2 là 168°35'15,952", khoảng cách là 518,43m.	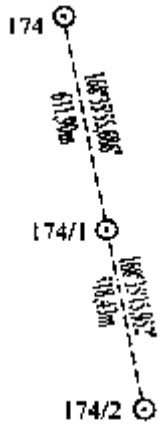		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 174/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 174/2 cắm trong ruộng.	1216472,32 630553,40	11 00 07,587 106 11 41,970	4,01 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,81

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 174/1 đến cột mốc số 174/2 là 168°35'15,952", khoảng cách là 518,43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 174/2 đến cột mốc số 174/3 là 168°36'22,625", khoảng cách là 501,60m.	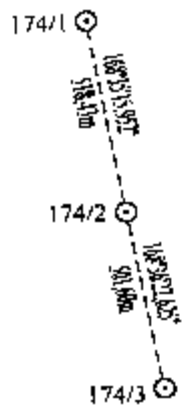

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 174/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 174/3 cắm trong ruộng.	1215980,61 630652,49	10 59 51,568 106 11 45,171	3,56 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,36
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 174/2 đến cột mốc số 174/3 là 168°36'22,625", khoảng cách là 501,60m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 174/3 đến cột mốc số 175 là 168°35'19,552", khoảng cách là 612,28m.	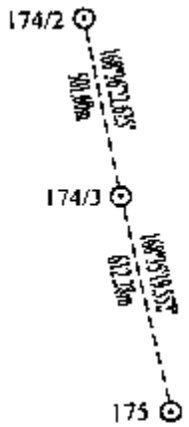		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 175

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 28 tháng 10 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 175 cắm giữa đường nhựa.	1215380,43 630773,63	10 59 32,016 106 11 49,082	5,85 (2,42) Độ cao mặt đất (m) 3,43
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 174/3 đến cột mốc số 175 là 168°35'19,552", khoảng cách là 612.28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 175 đến cột mốc số 175/1 là 142°23'02,157", khoảng cách là 521.70m.	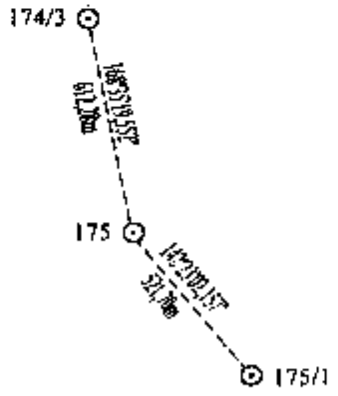		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 175/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 175/1 cắm trên bờ ruộng.	1214967,18 631092,06	10 59 18,523 106 11 59,520	3,80 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,60
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 175 đến cột mốc số 175/1 là 142°23'02,157", khoảng cách là 521,70m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 175/1 đến cột mốc số 175/2 là 146°35'17,504", khoảng cách là 450,01m.	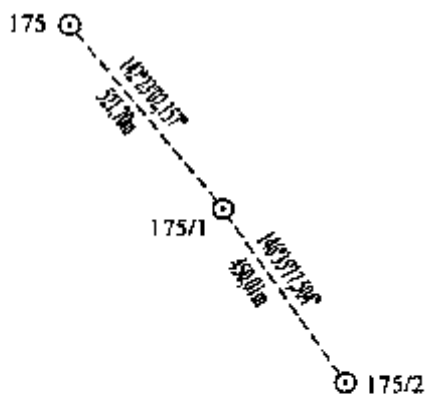		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 175/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 175/2 cắm trong ruộng.	1214591,54 631339,86	10 59 06,264 106 12 07,634	3,56 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,36
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 175/1 đến cột mốc số 175/2 là 146°35'17,504", khoảng cách là 450.01m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 175/2 đến cột mốc số 175/3 là 151°12'45,039", khoảng cách là 487.93m.	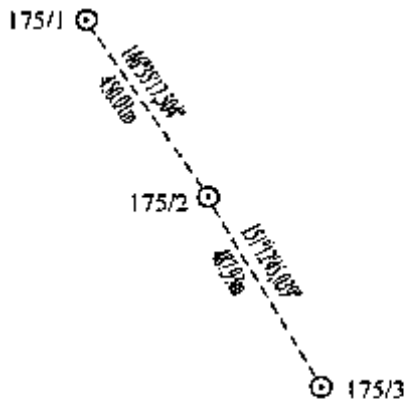		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 175/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 175/3 cắm trong ruộng.	1214163,91 631574,83	10 58 52,313 106 12 15,318	3,62 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,42
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 175/2 đến cột mốc số 175/3 là 151°12'45,039", khoảng cách là 487,93m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 175/3 đến cột mốc số 175/4 là 156°23'00,089", khoảng cách là 401,86m.	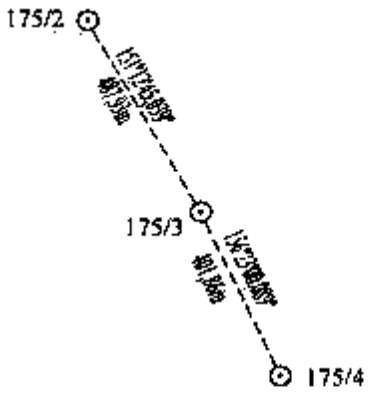		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 175/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 175/4 cắm trong ruộng.	1213795,71 631735,82	10 58 40.306 106 12 20,573	3,48 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,28
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 175/3 đến cột mốc số 175/4 là 156°23'00,089", khoảng cách là 401,86m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 175/4 đến cột mốc số 176 là 180°57'07,331", khoảng cách là 207,64m.	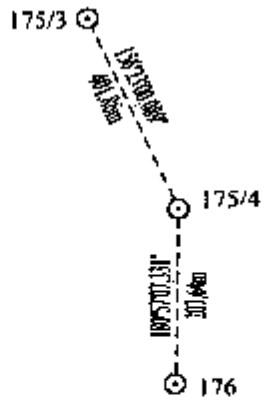		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 176

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn; loại B	Đá hoa cương	Ngày 28 tháng 10 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 176 cắm trong ruộng.	1213588,10 631732,37	10 58 33,549 106 12 20,432	4,44 (2,59)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,85
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 175/4 đến cột mốc số 176 là 180°57'07,331", khoảng cách là 207,64m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 176 đến cột mốc số 176/1 là 245°31'15,289", khoảng cách là 279,39m.	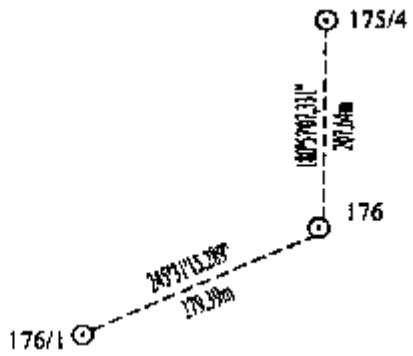		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 176/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 11 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 176/1 cắm trong ruộng.	1213472.33 631478,09	10 58 29,814 106 12 12,040	3,19 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,99
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 176 đến cột mốc số 176/1 là 245°31'15,289", khoảng cách là 279,39m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 176/1 đến cột mốc số 176/2 là 257°08'58,954", khoảng cách là 462,40m.	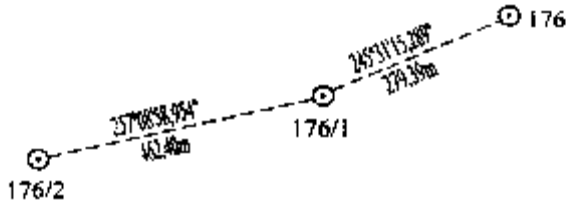		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 176/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 11 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 176/2 cắm cạnh đường mòn.	1213369,49 631027,27	10 58 26,525 106 11 57,175	3,69 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,49
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 176/1 đến cột mốc số 176/2 là 257°08'58,954", khoảng cách là 462,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 176/2 đến cột mốc số 176/3 là 257°09'23,334", khoảng cách là 465,83m.	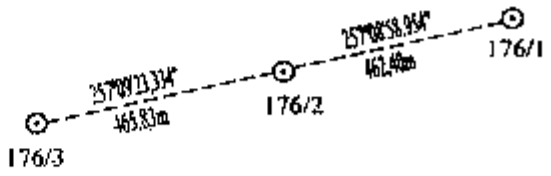		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 176/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 11 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 176/3 cắm trong ruộng.	1213265,94 630573,09	10 58 23,213 106 11 42,199	3,25 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,05
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 176/2 đến cột mốc số 176/3 là 257°09'23,334", khoảng cách là 465,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 176/3 đến cột mốc số 177 là 262°43'13,563", khoảng cách là 418,91m.	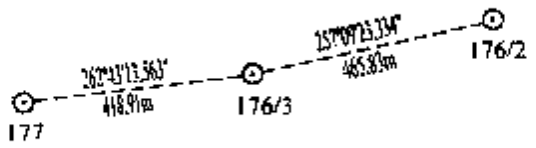		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 177

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 8 năm 2009

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 177 cắm trong ruộng.	1213212,86 630157,56	10 58 21,539 106 11 28,503	5,24 (3,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,64

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 176/3 đến cột mốc số 177 là 262°43'13,563", khoảng cách là 418,91m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 177 đến cột mốc số 177/1 là 276°25'02,090", khoảng cách là 124,81m.	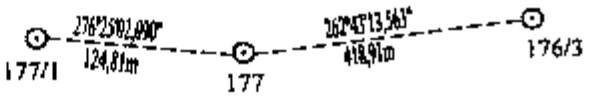

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 177/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 11 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 177/1 cắm trong ruộng.	1213226,81 630033,53	10 58 22,009 106 11 24,419	3,15 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,95
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 177 đến cột mốc số 177/1 là 276°25'02,090", khoảng cách là 124.81m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 177/1 đến cột mốc số 177/2 là 289°06'05.287", khoảng cách là 553.47m.	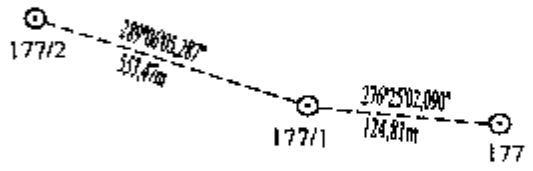		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 177/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 11 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 177/2 cắm trên bờ ruộng.	1213407,93 629510,53	10 58 27,972 106 11 07,213	3,53 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,33
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 177/1 đến cột mốc số 177/2 là 289°06'05,287", khoảng cách là 553,47m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 177/2 đến cột mốc số 178 là 272°00'09,746", khoảng cách là 482,73m.	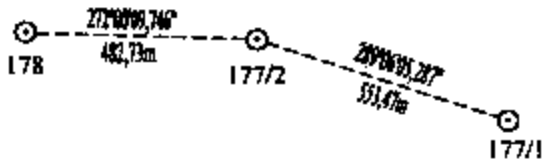		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 178

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 10 tháng 5 năm 2009	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 178 cắm trong ruộng.	1213424.80 629028,09	10 58 28,582 106 10 51,321	5,18 (2,59)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,59
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 177/2 đến cột mốc số 178 là 272°00'09,746", khoảng cách là 482,73m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 178 đến cột mốc số 178/1 là 259°23'11,270", khoảng cách là 97,78m.	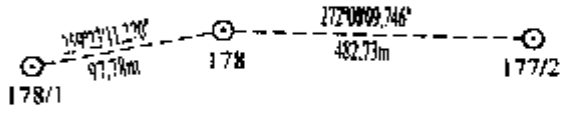		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 178/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 11 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 178/1 cắm trong ruộng.	1213406,79 628931,98	10 58 28,008 106 10 48,153	3,32 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,12
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 178 đến cột mốc số 178/1 là 259°23'11,270", khoảng cách là 97.78m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 178/1 đến cột mốc số 178/2 là 298°39'35,207", khoảng cách là 458,94m.	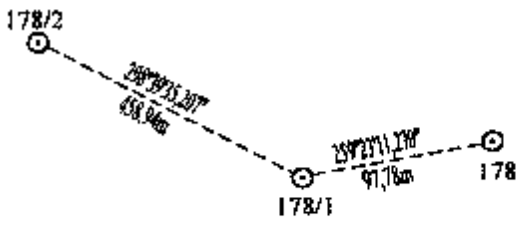		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 178/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 11 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 178/2 cắm trong ruộng.	1213626,90 628529,27	10 58 35,225 106 10 34,915	3,26 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,06
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 178/1 đến cột mốc số 178/2 là 298°39'35,207", khoảng cách là 458,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 178/2 đến cột mốc số 178/3 là 302°02'43,619", khoảng cách là 400,18m.	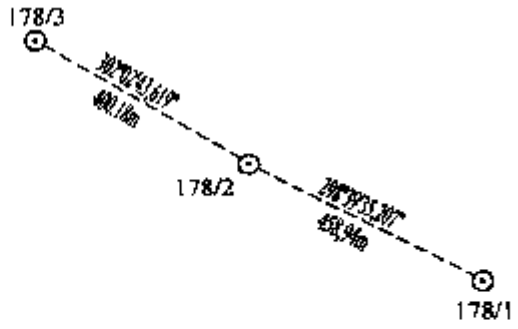		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 178/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 11 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 178/3 cắm trong ruộng.	1213839,23 628190,07	10 58 42,179 106 10 23,767	3,64 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,44
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 178/2 đến cột mốc số 178/3 là 302°02'43,619", khoảng cách là 400.18m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 178/3 đến cột mốc số 179 là 303°36'42,272", khoảng cách là 223.17m.	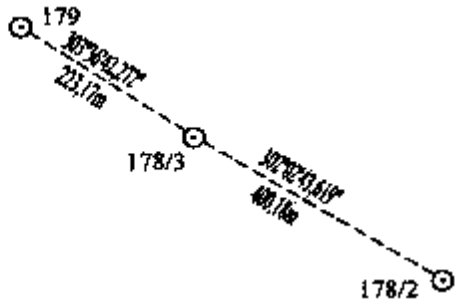		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 179

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 12 tháng 5 năm 2009	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 179 cắm trong ruộng.	1213962.77 628004.21	10 58 46,224 106 10 17.660	5.30 (3,03) Độ cao mặt đất (m) 2,27
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 178/3 đến cột mốc số 179 là 303°36'42,272", khoảng cách là 223,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 179 đến cột mốc số 179/1 là 282°31'15,527", khoảng cách là 214,35m.	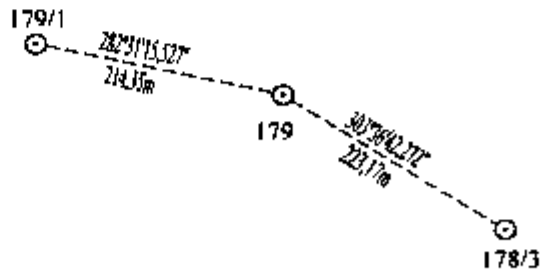		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 179/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 11 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 179/1 cắm trong ruộng.	1214009,24 627794,96	10 58 47,764 106 10 10,772	3,65 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,45
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 179 đến cột mốc số 179/1 là 282°31'15,527", khoảng cách là 214,35m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 179/1 đến cột mốc số 179/2 là 278°21'31,863", khoảng cách là 168,26m.	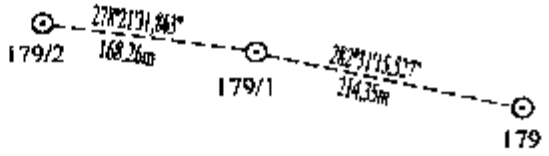		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 179/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 11 tháng 9 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 179/2 cắm trên bờ ruộng.	1214033,70 627628,49	10 58 48,581 106 10 05,291	4,15 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,95

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 179/1 đến cột mốc số 179/2 là 278°21'31,863", khoảng cách là 168,26m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 179/2 đến cột mốc số 179/3 là 264°04'05,356", khoảng cách là 185,78m.	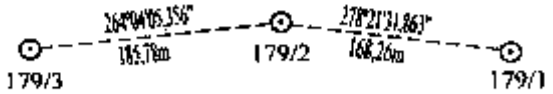

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 179/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 15 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 179/3 cắm trong ruộng.	1214014,50 627443,70	10 58 47,979 106 09 59,201	3,56 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,36
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 179/2 đến cột mốc số 179/3 là 264°04'05,356", khoảng cách là 185,78m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 179/3 đến cột mốc số 180 là 263°22'29,784", khoảng cách là 278,75m.	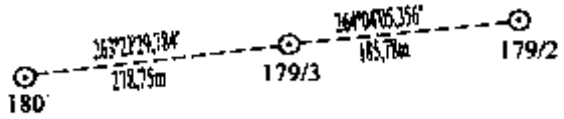		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 180

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 29 tháng 9 năm 2009

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 180 cắm trong ruộng.	1213982,34 627166,81	10 58 46,967 106 09 50.075	5,62 (3,55)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,07

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 179/3 đến cột mốc số 180 là 263°22'29.784", khoảng cách là 278,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 180 đến cột mốc số 180/1 là 264°10'07.299", khoảng cách là 185,14m.	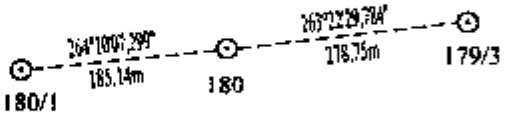

BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

NGHỊ ĐỊNH THƯ
PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Tập 5: Phụ lục 2 đính kèm Nghị định thư
(Bảng đăng ký mốc giới, từ mốc số 180/1 đến mốc số 314 thuộc các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang)

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MÓC SỐ 180/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 05 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 180/1 cắm trong ruộng.	1213963,53 626982,63	10 58 46,379 106 09 44,004	3,68 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,48
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 180 đến cột mốc số 180/1 là 264°10'07,299", khoảng cách là 185,14m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 180/1 đến cột mốc số 180/2 là 278°23'38,989", khoảng cách là 247.63m.	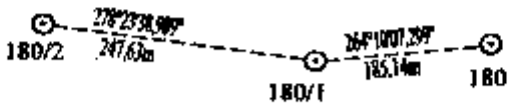		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 180/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 12 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 180/2 cắm trong ruộng.	1213999.68 626737.65	10 58 47,586 106 09 35,938	3.78 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2.58

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 180/1 đến cột mốc số 180/2 là 278°23'38,989", khoảng cách là 247,63m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 180/2 đến cột mốc số 180/3 là 295°55'26,340", khoảng cách là 249,42m.	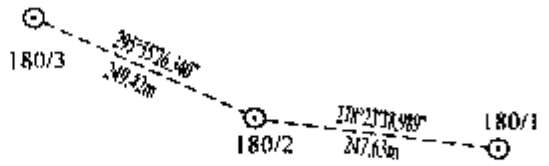

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 180/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 05 tháng 01 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 180/3 cắm trong ruộng.	1214108,72 626513,33	10 58 51,164 106 09 28,562	3,72 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,52

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 180/2 đến cột mốc số 180/3 là295°55'26,340", khoảng cách là 249,42m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 180/3 đến cột mốc số 180/4 là 309°31'56,517", khoảng cách là 284,90m.	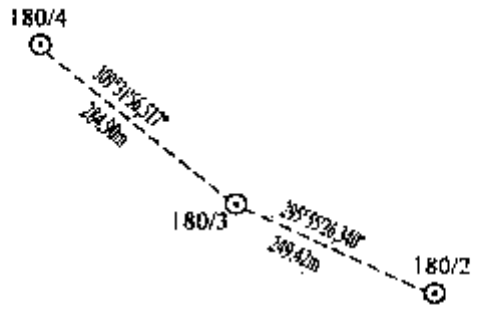

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 180/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 12 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 180/4 cắm trong ruộng.	1214290,06 626293,60	10 58 57,094 106 09 21,346	3,61 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,41
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 180/3 đến cột mốc số 180/4 là 309°31'56,517", khoảng cách là 284,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 180/4 đến cột mốc số 181 là 314°09'08,724", khoảng cách là 194,55m.	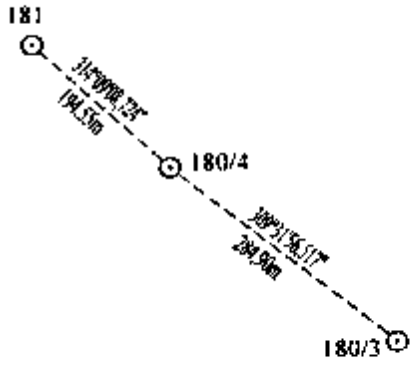		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 181

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 29 tháng 9 năm 2009

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 181 cắm trong ruộng.	1214425,58 626154,01	10 59 01,522 106 09 16,764	6,13 (3,55)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,58

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 180/4 đến cột mốc số 181 là 314°09'08,724", khoảng cách là 194,55m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 181 đến cột mốc số 181/1 là 222°09'03,833", khoảng cách là 312,42m.	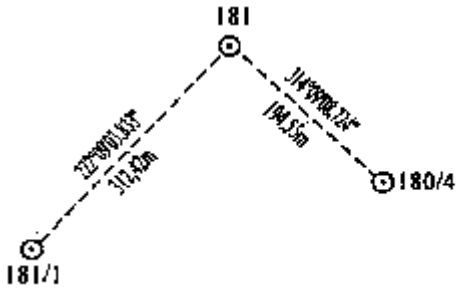

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 181/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 05 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 181/1 cắm trong ruộng.	1214193,96 625944,35	10 58 54,009 106 09 09,828	4,18 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,98
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 181 đến cột mốc số 181/1 là 222°09'03,833", khoảng cách là 312,42m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 181/1 đến cột mốc số 181/2 là 236°21'06,333", khoảng cách là 296,34m.	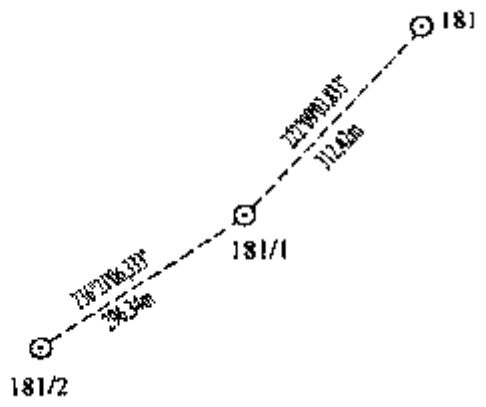		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 181/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 12 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 181/2 cắm trong ruộng.	1214029,76 625697,66	10 58 48.695 106 09 01.680	3,92 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,72

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 181/1 đến cột mốc số 181/2 là 236°21'06,333", khoảng cách là 296,34m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 181/2 đến cột mốc số 181/3 là 260°01'14,680", khoảng cách là 440,24m.	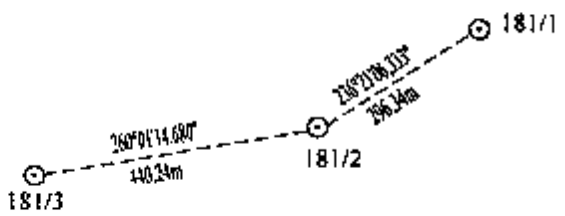

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 181/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 05 tháng 01 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 181/3 cắm trong ruộng.	1213953,47 625264,08	10 58 46,266 106 08 47,386	3,91 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,71

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 181/2 đến cột mốc số 181/3 là 260°01'14,680", khoảng cách là 440,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 181/3 đến cột mốc số 182 là 216°38'50,044", khoảng cách là 385,47m.	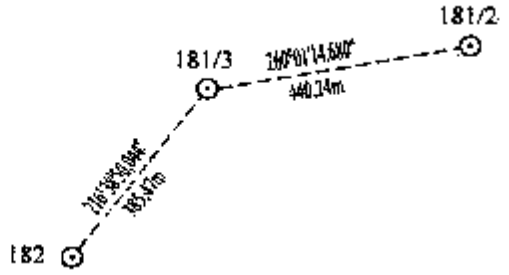

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 182

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 11 năm 2009

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 182 cắm trong ruộng.	1213644,20 625034,00	10 58 36,226 106 08 39,767	6,11 (2,99)
			Độ cao mặt đất (m)
			3,12

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 181/3 đến cột mốc số 182 là 216°38'50,044", khoảng cách là 385,47m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 182 đến cột mốc số 182/1 là 168°05'20,071", khoảng cách là 459,07m.	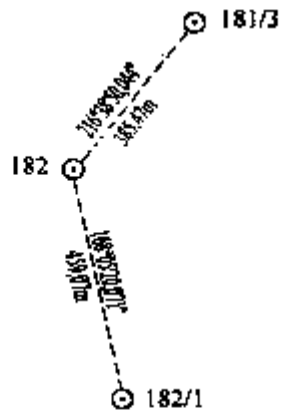

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MÓC SỐ 182/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 05 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 182/1 cắm trong ruộng.	1213195,01 625128,75	10 58 21,593 106 08 42,833	5,13 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 3,93
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 182 đến cột mốc số 182/1 là 168°05'20,071", khoảng cách là 459,07m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 182/1 đến cột mốc số 183 là 165°41'20,634", khoảng cách là 425,96m.	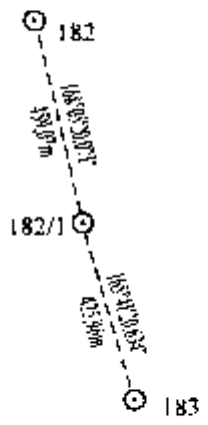		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 183

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 11 năm 2009	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 183 cắm trong ruộng.	1212782,27 625234,04	10 58 08,144 106 08 46,249	7,17 (2,99)
			Độ cao mặt đất (m)
			4,18
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 182/1 đến cột mốc số 183 là 165°41'20,634", khoảng cách là 425,96m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 183 đến cột mốc số ... là ..., khoảng cách là ... m.	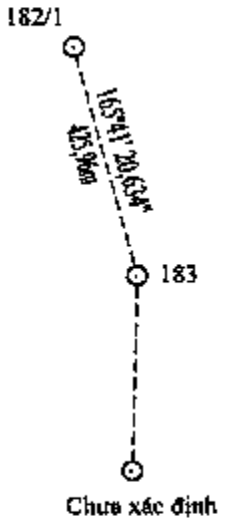		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 189

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn. loại C	Đá hoa cương	Ngày 29 tháng 12 năm 2009

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 189 cắm trong ruộng.	1203834,89 626987,80	10 53 16,672 106 09 42,891	6,69 (4,00)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,69

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số .. đến cột mốc số 189 là .... khoảng cách là ... m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 189 đến cột mốc số 189/1 là 151°58'38,769", khoảng cách là 543,46m.	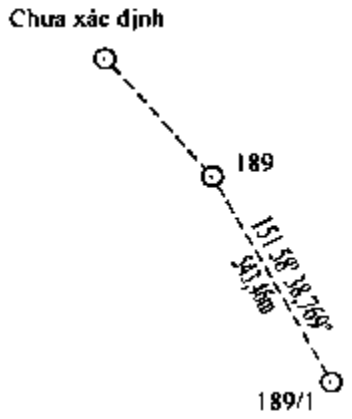

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 189/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 189/1 cắm phía Nam kênh không tên.	1203355,14 627243,13	10 53 01,023 106 09 51,240	5,69 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 4,49
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 189 đến cột mốc số 189/1 là 151°58'38,769", khoảng cách là 543,46m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 189/1 đến cột mốc số 189/2 là151°58'02,357", khoảng cách là 447,87m.	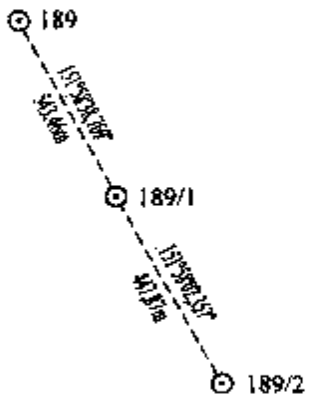		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 189/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 189/2 cắm trong ruộng.	1202959,81 627453.62	10 52 48,128 106 09 58,122	3,77 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,57
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 189/1 đến cột mốc số 189/2 là 151°58'02.357", khoảng cách là 447,87m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 189/2 đến cột mốc số 189/3 là 151°59'45.439", khoảng cách là 648,05m.	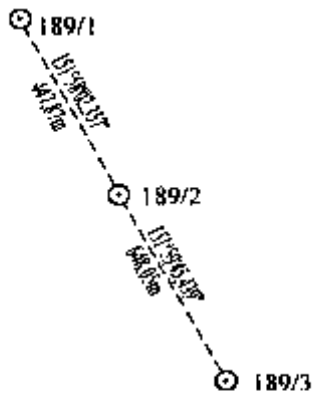		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 189/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 06 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ") L(° ")	
Cột mốc số 189/3 cắm trên bãi đất trống.	1202387,64 627757,90	10 52 29,465 106 10 08,070	3,27 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,07
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 189/2 đến cột mốc số 189/3 là 151°59'45,439", khoảng cách là 648,05m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 189/3 đến cột mốc số 190 là 151°58'59,539", khoảng cách là 384,28m.	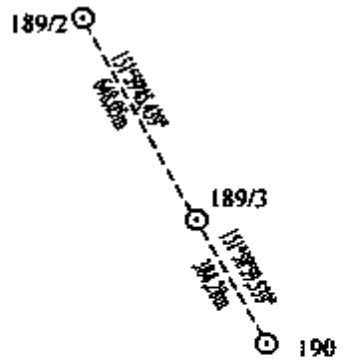		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 190

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 26 tháng 01 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 190 cắm trong rừng tràm.	1202048,39 627938,41	10 52 18,399 106 10 13,972	5,59 (3,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,09
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 189/3 đến cột mốc số 190 là151°58'59,539", khoảng cách là 384,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 190 đến cột mốc số 190/1 là 152°00'14,682", khoảng cách là 841,21m.	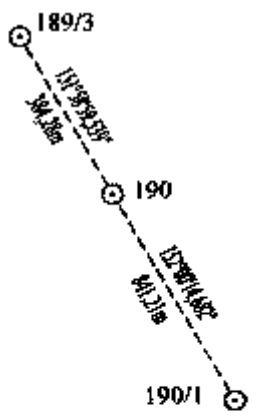		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 190/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ") L(° ")	
Cột mốc số 190/1 cắm trong rừng tràm.	1201305,62 628333.28	10 51 54,171 106 10 26,882	3,45 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,25
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 190 đến cột mốc số 190/1 là 152°00'14,682", khoảng cách là 841,21m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 190/1 đến cột mốc số 190/2 là 152°00'04,009", khoảng cách là 784,42m.	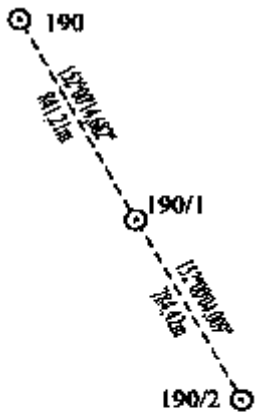		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 190/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 190/2 cắm trong rừng tràm.	1200613.01 628701.53	10 51 31.579 106 10 38.921	3,35 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2.15
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 190/1 đến cột mốc số 190/2 là 152°00'04,009", khoảng cách là 784,42m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 190/2 đến cột mốc số 191 là 152°00'16,234", khoảng cách là 1043,54m.	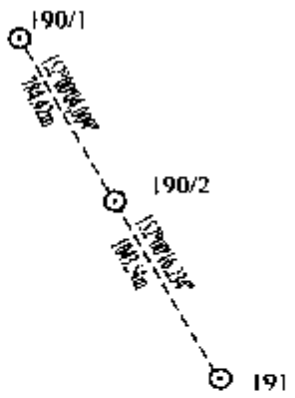		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 191

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 02 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 191 cắm trong rừng tràm.	1199691.58 629191,37	10 51 01,523 106 10 54,934	5,92 (4,00)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,92
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 190/2 đến cột mốc số 191 là152°00'16,234". khoảng cách là 1043,54m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 191 đến cột mốc số 191/1 là 153°05'13.454", khoảng cách là 843,37m.	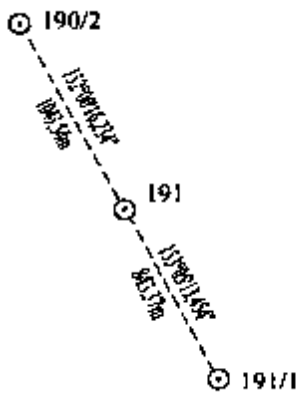		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 191/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 06 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 191/1 cắm trong ruộng.	1198939,55 629573,11	10 50 36,994 106 11 07,408	3,14 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,94
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 191 đến cột mốc số 191/1 là 153°05'13,454", khoảng cách là 843,37m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 191/1 đến cột mốc số 192 là 153°05'32,556", khoảng cách là 697,86m.	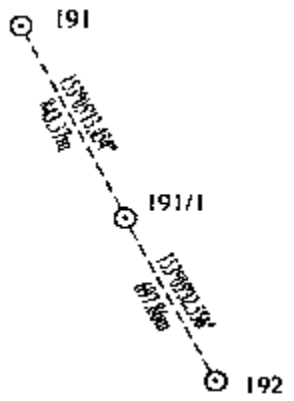		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 192

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 02 năm 2010	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 192 cắm trong rừng tràm.	1198317,24 629888,93	10 50 16,697 106 11 17,727	6,08 (4,00)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,08
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 191/1 đến cột mốc số 192 là 153°05'32,556", khoảng cách là 697,86m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 192 đến cột mốc số ... là ..., khoảng cách là ... m.	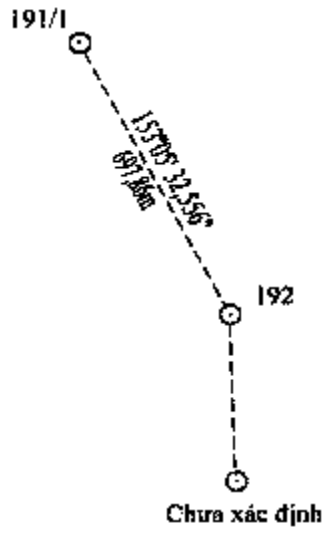		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 194

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 11 năm 2010

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 194 cắm trong rừng tràm.	1193015,32 630109,61	10 47 24,082 106 11 24,314	5,93 (4,05)
			Độ cao mặt đất (m)
			1,88

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số ... đến cột mốc số 194 là ..., khoảng cách là ... m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 194 đến cột mốc số 194/1 là 310°21'54,542", khoảng cách là 604,50m.	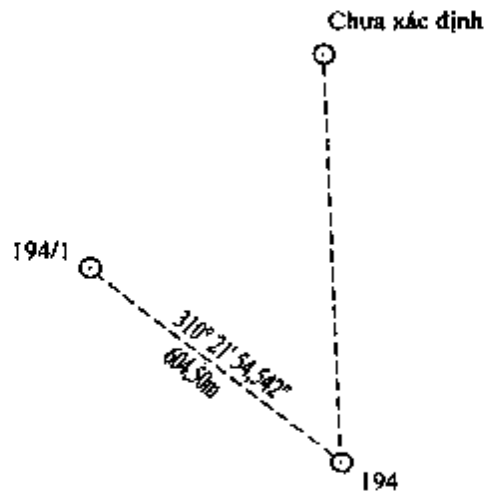

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 194/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 05 tháng 9 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 194/1 cắm trong rừng tràm.	1193406,83 629649,02	10 47 36,885 106 11 09,200	3,24 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,04

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 194 đến cột mốc số 194/1 là310°21'54,542", khoảng cách là 604.50m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 194/1 đến cột mốc số 195 là 310°22'10,339". khoảng cách là 606,56m.	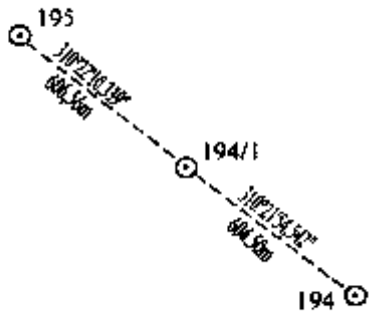

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 195

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 11 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ") L(° ")	
Cột mốc số 195 cắm trên bãi đất trống.	1193799,71 629186,89	10 47 49,732 106 10 54,034	6.35 (4,05)
			Độ cao mặt đất (m)
			2.30
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 194/1 đến cột mốc số 195 là 310°22'10.339", khoảng cách là 606.56m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 195 đến cột mốc số 195/1 là 310°21'51,725", khoảng cách là 1165.40m.	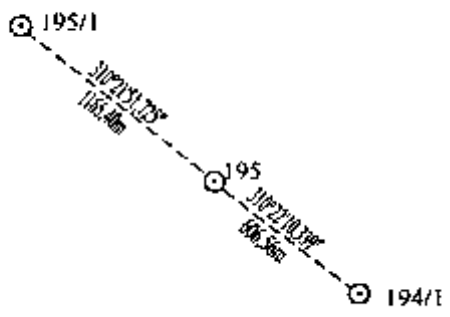		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 195/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 195/1 cắm trên bãi đất trống.	1194554,48 628298,92	10 48 14,413 106 10 24,894	3,50 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,30
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 195 đến cột mốc số 195/1 là 310°21'51,725", khoảng cách là 1165,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 195/1 đến cột mốc số 195/2 là 310°23'17,887", khoảng cách là 652,12m.	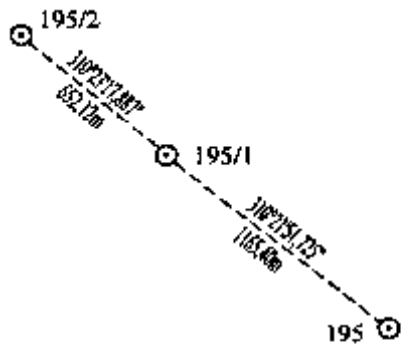		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 195/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 195/2 cắm trên bãi đất trống.	1194977,03 627802,22	10 48 28,229 106 10 08,593	3,38 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,18
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 195/1 đến cột mốc số 195/2 là 310°23'17,887", khoảng cách là 652,12m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 195/2 đến cột mốc số 196 là 310°22'24,760", khoảng cách là 649,43m.	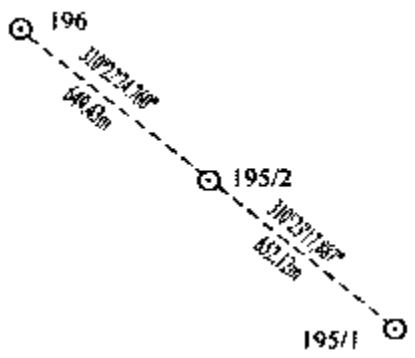		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 196

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 11 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 196 cắm trên bãi đất trống.	1195397,71 627307,46	10 48 41,985 106 09 52,356	5,71 (3,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,11
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 195/2 đến cột mốc số 196 là310°22'24,760", khoảng cách là 649,43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 196 đến cột mốc số 196/1 là 266°26'28,013", khoảng cách là 759,90m.	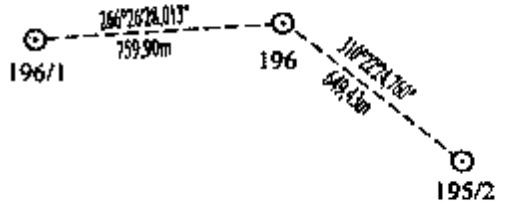		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 196/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 05 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 196/1 cắm trên bãi đất trống.	1195350,54 626549,03	10 48 40,543 106 09 27,377	3,64 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 2,44
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 196 đến cột mốc số 196/1 là 266°26'28.013", khoảng cách là 759,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 196/1 đến cột mốc số 197 là 266°26'27,009", khoảng cách là 880,49m.	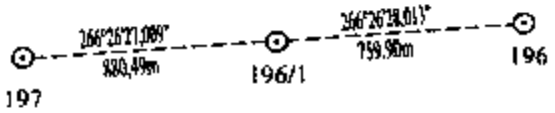		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 197

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 7 năm 2012

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 197 cắm trên bãi đất trống.	1195295,88 625670,24	10 48 38,872 106 08 58.436	6,17 (3,54)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,63

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 196/1 đến cột mốc số 197 là 266°26' 27,009", khoảng cách là 880,49m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 197 đến cột mốc số 197/1 là 266°26'25,054", khoảng cách là 969,42m.	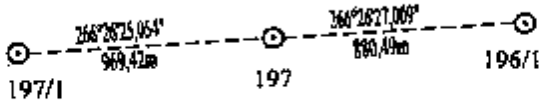

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 197/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 05 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 197/1 cắm trên bờ ruộng.	1195235,69 624702,69	10 48 37,031 106 08 26,570	3,89 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,69
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 197 đến cột mốc số 197/1 là 266°26'25,054", khoảng cách là 969,42m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 197/1 đến cột mốc số 197/2 là 266°27'06,706", khoảng cách là 830,22m.	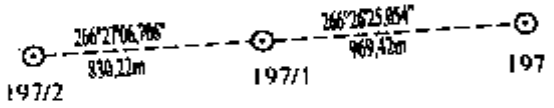		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 197/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ") L(° ")	
Cột mốc số 197/2 cắm trên bờ ruộng.	1195184,31 623874,06	10 48 35,459 106 07 59,280	4,10 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2.90
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 197/1 đến cột mốc số 197/2 là 266°27'06,706", khoảng cách là 830,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 197/2 đến cột mốc số 197/3 là 266°24'47,563", khoảng cách là 782,92m.	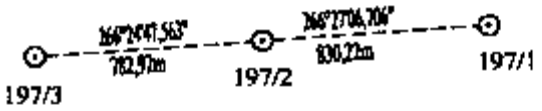		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 197/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 05 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ") L(° ")	
Cột mốc số 197/3 cắm trên bãi đất trống.	1195135,33 623092,67	10 48 33,958 106 07 33,546	3,43 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,23
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 197/2 đến cột mốc số 197/3 là 266°24'47,563", khoảng cách là 782,92m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 197/3 đến cột mốc số 198 là 266°26'13,547", khoảng cách là 862,19m.	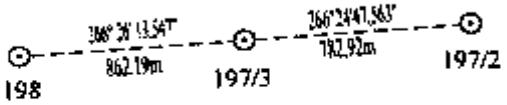		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 198

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 26 tháng 6 năm 2012	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ") L(° ")	
Cột mốc số 198 cắm trên bãi đất trống.	1195081,75 622232,15	10 48 32,317 106 07 05,206	5,94 (3,53) Độ cao mặt đất (m) 2,41
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 197/3 đến cột mốc số 198 là 266°26'13,547", khoảng cách là 862,19m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 198 đến cột mốc số 198/1 là 266°29'31,912", khoảng cách là 1000,25m.	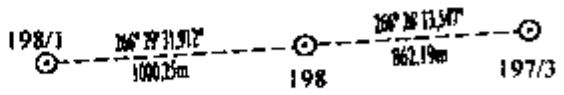		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 198/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 06 tháng 01 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 198/1 cắm phía Đông đường đất.	1195020,55 621233.77	10 48 30,443 106 06 32.325	3,38 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2.18

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 198 đến cột mốc số 198/1 là 266°29'31,912", khoảng cách là 1000,25m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 198/1 đến cột mốc số 198/2 là 266°23'43,794", khoảng cách là 720,71m.	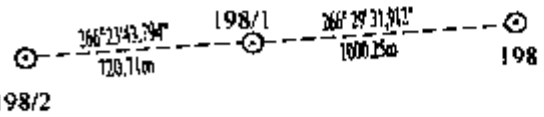

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 198/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 9 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ') L(° ')	
Cột mốc số 198/2 cắm trên bờ ruộng.	1194975,24 620514,49	10 48 29,053 106 06 08,636	3,52 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			2,32
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 198/1 đến cột mốc số 198/2 là 266°23'43,794", khoảng cách là 720,71m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 198/2 đến cột mốc số 199 là 266°26'46,568", khoảng cách là 698,88m.	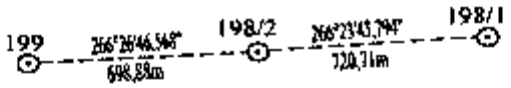		

1361

(Xem tiếp Công báo số 187 + 188)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng